

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Đã được soát xét



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103005924** ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, phường 8, quận 8, TP.HCM	300.000	3.000.000.000	2,31
2	Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, TP.HCM	276.652	2.766.520.000	2,13
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	279 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP.HCM	1.420.000	14.200.000.000	10,92
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	01 Công Trường Quốc Tế, phường 6, quận 3, TP.HCM	6.630.400	66.304.000.000	51,00
5	Các cổ đông khác		4.372.948	43.729.480.000	33,64
	Cộng		13.000.000	130.000.000.000	100,00

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-08) 3 8233 411
- Fax : (84-08) 3 8243 081
- Mã số thuế : **0305110825**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ngành, nghề kinh doanh:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Phạm Mạnh Đức	Chủ tịch	20 tháng 04 năm 2012	24 tháng 04 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	24 tháng 04 năm 2015	-
Ông Trần Đình Phú	Thành viên	20 tháng 04 năm 2012	24 tháng 04 năm 2015
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Phát Minh	Thành viên	29 tháng 04 năm 2008	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Hồ Văn Lâm	Thành viên	24 tháng 04 năm 2015	-
Ban kiểm soát			
Bà Dương Quỳnh Nga	Trưởng ban	04 tháng 05 năm 2011	-
Ông Dương Nam Sơn	Ủy viên	20 tháng 04 năm 2012	-
Ông Lê Hùng Cường	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên	04 tháng 05 năm 2011	-
Ban Giám đốc			
Ông Lê Trọng Hiếu	Giám đốc	20 tháng 04 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	20 tháng 04 năm 2012	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Bà Lại Thị Thu	Kế toán trưởng	29 tháng 01 năm 2007	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc 


LÊ TRỌNG HIẾU - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Số: 0355/2015/BCSX-KTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015****Kính gửi: QUÍ CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn được lập ngày 16 tháng 07 năm 2015 từ trang 6 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo này dựa trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi.


Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 “Công tác soát xét Báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán

Trong kỳ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Công ty mẹ chưa thực hiện Quyết toán lại các chi phí gắn mới đồng hồ nước như các năm trước, nên Công ty vẫn ghi nhận chi phí gắn mới 11.097 đồng hồ nước vào kết quả kinh doanh kỳ này nhất quán so với các năm trước với chi phí là 25.353.653.546 VND. Kết quả kinh doanh của Công ty kỳ này có thể thay đổi khi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn quyết toán lại các chi phí này trong tương lai.

Trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi, ngoài ảnh hưởng như đã mô tả ở đoạn trên Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**VÕ THỊ THU HƯƠNG - Phó Giám đốc**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0455-2013-037-1
NGUYỄN THỊ THOM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu 2015.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.326.534.458	120.742.236.755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.645.692.017	40.534.586.598
1. Tiền	111		17.502.921.297	3.402.476.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.142.770.720	37.132.110.554
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.800.000.000	47.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	38.800.000.000	47.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.867.527.372	15.641.540.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.372.285.822	4.475.881.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.857.987.903	8.283.235.156
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.285.018.253	4.530.188.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.647.764.606)	(1.647.764.606)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	13.219.295.863	13.130.589.636
Hàng tồn kho	141		13.219.295.863	13.130.589.636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.794.019.206	3.835.520.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	860.218.300	29.379.998
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.062.868.623	3.722.315.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.781.691.631	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	89.240.652	83.825.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.971.846.618	236.184.769.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		193.965.932.086	210.488.370.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	193.562.209.063	209.984.267.764
Nguyên giá	222		569.615.032.807	569.719.162.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(376.052.823.744)	(359.734.894.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	403.723.023	504.103.214
Nguyên giá	228		3.390.946.666	3.215.946.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.987.223.643)	(2.711.843.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.502.859.134	24.182.230.503
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	28.502.859.134	24.182.230.503
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.494.725.398	1.505.838.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.355.846.518	1.366.959.458
2. Tài sản dài hạn khác	268		138.878.880	138.878.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		343.298.381.076	356.927.006.574

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu 2015.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		163.175.774.059	153.426.581.408
I. Nợ ngắn hạn	310		130.379.875.709	122.072.029.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	48.762.086.491	25.444.285.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.232.087.202	2.075.082.766
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8.200.848.032	12.731.549.768
4. Phải trả người lao động	314		5.156.760.705	12.698.705.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	22.634.911.912	25.640.202.261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	38.574.650.953	37.532.972.027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.439.441.157	3.123.786.161
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.20	4.379.089.257	2.825.445.555
II. Nợ dài hạn	330		32.795.898.350	31.354.551.473
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	22.593.916.718	21.152.569.841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	10.201.981.632	10.201.981.632
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.122.607.017	203.500.425.166
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	180.122.607.017	203.500.425.166
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		130.000.000.000	130.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.992.092.191	46.441.673.683
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(1.869.485.174)	27.058.751.483
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		1.730.953.020	27.058.751.483
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		(3.600.438.194)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		343.298.381.076	356.927.006.574

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2015



LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 6 tháng đầu năm 2015

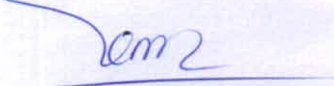
Mẫu B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2015	2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	414.194.273.036	387.955.162.363
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		100.716.541	186.049.091
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		414.093.556.495	387.769.113.272
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	403.223.298.298	365.412.461.411
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.870.258.197	22.356.651.861
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.631.651.960	1.747.491.312
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	702.663.932	870.336.685
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		702.663.932	870.336.685
8 Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.551.101.116	4.587.336.758
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.953.998.569	10.181.555.931
10 Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.705.853.460)	8.464.913.799
11 Thu nhập khác	31		755.842.471	4.075.925.902
12 Chi phí khác	32		1.650.427.205	2.723.269.163
13 Lãi/(lỗ) khác	40	VI.7	(894.584.734)	1.352.656.739
14 Tổng lãi kế toán trước thuế	50		(3.600.438.194)	9.817.570.538
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	2.057.083.985
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.600.438.194)	7.760.486.553
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(277)	465
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2015


LÊ TRỌNG HIỀU
 Giám đốc


LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu 2015.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

06 tháng đầu năm

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.600.438.194)	9.817.570.538
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.356.180.126	19.763.869.006
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.207.918.772)	(2.450.454.817)
- Chi phí lãi vay	06		702.663.932	870.336.685
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</i>				
3. <i>động</i>	08		14.250.487.092	28.001.321.412
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.640.297.197)	(7.213.101.068)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(88.706.227)	1.097.530.458
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.083.843.743	5.467.240.653
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(819.725.362)	576.669.824
- Tiền lãi vay đã trả	14		(702.663.932)	(870.336.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.329.690.765)	(7.708.341.615)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		997.270.643	608.693.361
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.669.888.500)	(3.215.744.689)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>5.080.629.495</u>	<u>16.743.931.651</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.337.279.184)	(10.868.085.643)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	16.605.789.450
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.800.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.918.301.402	2.241.375.487
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(1.618.977.782)</u>	<u>7.979.079.294</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.684.345.004)	(1.299.831.966)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.666.201.290)	(16.537.199.805)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(15.350.546.294)</u>	<u>(17.837.031.771)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>(11.888.894.581)</u>	<u>6.885.979.174</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		<u>40.534.586.598</u>	<u>35.690.048.647</u>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>28.645.692.017</u>	<u>42.576.027.821</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2015



Lại Thị Thu
LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Quỳnh
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 416 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 395 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015 thuộc năm tài chính thứ 09 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Master.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số VIII.4 của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán nước sạch.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Khoản phải thu về lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện toàn bộ chi phí cần thiết liên quan đến việc đầu tư, xây dựng, cải tạo ống mương, phát triển mạng lưới phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty chưa hoàn hành tại thời điểm lập Báo cáo.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác. Được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

- Công ty trích lập vốn khác và các quỹ (quỹ khen thưởng, phúc lợi) từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tiền mặt	40.821.222	31.520.580
Tiền gửi ngân hàng	17.462.100.075	3.370.955.464
Các khoản tương đương tiền (*)	11.142.770.720	37.132.110.554
Cộng	28.645.692.017	40.534.586.598

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lãi suất 5% đến 5,5%/năm).

2. Đầu tư đáo hạn đến ngày nắm giữ

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.800.000.000	47.600.000.000
Cộng	38.800.000.000	47.600.000.000

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lãi suất từ 7% đến 9,5%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác

	14.372.285.822	4.475.881.198
--	----------------	---------------

Cộng

14.372.285.822

4.475.881.198

4. Trả trước người bán ngắn hạn

Công nợ với bên liên quan	461.652.709	509.716.595
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	461.652.709	509.716.595
Công nợ với nhà cung cấp khác	14.396.335.194	7.773.518.561
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.447.838.066	1.447.838.066
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (Công ty TNHH TVTKXD MNam)	289.902.299	289.902.299
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN	348.040.000	348.040.000
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	-	334.262.267
Công ty TNHH XĐBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	907.981.982	-
Công ty TNHH Đan Vĩ	1.000.778.585	1.000.778.585
Công ty QL CTGT Sài Gòn	2.660.543.787	2.202.473.127
Công ty CP Xây dựng số 5	4.526.005.400	-
Nhà cung cấp khác	1.913.161.401	848.140.543
Cộng	14.857.987.903	8.283.235.156

5. Phải thu ngắn hạn khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.880.488.366	2.872.765.106
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban		
Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.343.500.245	1.310.987.218
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.672.222	302.321.664
Phải thu khác	45.357.420	44.114.649
Cộng	4.285.018.253	4.530.188.637

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng các khoản nợ từ trên 1 năm đến 3 năm	1.647.764.606	1.647.764.606
Cộng	1.647.764.606	1.647.764.606

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Nguyên vật liệu	13.219.295.863	10.997.996.081
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.132.593.555
Cộng	13.219.295.863	13.130.589.636
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	13.219.295.863	13.130.589.636

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 30/06/2015
Chi phí công cụ dụng cụ	-	406.200.454	240.782.154	165.418.300
Phần mềm diệt virus	29.379.998	-	29.379.998	-
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	2.088.000.000	1.393.200.000	694.800.000
Cộng	29.379.998	2.494.200.454	1.663.362.152	860.218.300

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	89.240.652	83.825.000
Cộng	89.240.652	83.825.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2015	2.015.263.000	1.531.852.486	554.226.268.897	11.945.777.819	569.719.162.202
2. Tăng trong kỳ	-	-	1.942.395.155	108.960.000	2.051.355.155
<i>Mua sắm mới</i>	-	-	-	108.960.000	108.960.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	1.664.734.877	-	1.664.734.877
<i>Tăng theo quyết toán</i>	-	-	277.660.278	-	277.660.278
3. Giảm trong kỳ	1.776.689.000	-	378.795.550	-	2.155.484.550
<i>Thanh lý</i>	1.776.689.000	-	-	-	1.776.689.000
<i>Giảm nguyên giá theo quyết toán công trình</i>	-	-	316.099.625	-	316.099.625
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	62.695.925	-	62.695.925
4. Tại ngày 30/06/2015	238.574.000	1.531.852.486	555.789.868.502	12.054.737.819	569.615.032.807
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2015	1.561.918.327	1.427.193.594	350.898.320.093	5.847.462.424	359.734.894.438
2. Tăng trong kỳ	29.611.485	19.261.854	17.055.024.225	976.902.371	18.080.799.935
3. Giảm trong kỳ	1.352.955.812	-	409.914.817	-	1.762.870.629
<i>Thanh lý</i>	1.352.955.812	-	-	-	1.352.955.812
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	409.914.817	-	409.914.817
4. Tại ngày 30/06/2015	238.574.000	1.446.455.448	367.543.429.501	6.824.364.795	376.052.823.744
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2015	453.344.673	104.658.892	203.327.948.804	6.098.315.395	209.984.267.764
2. Tại ngày 30/06/2015	-	85.397.038	188.246.439.001	5.230.373.024	193.562.209.063

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	238.574.000	1.319.886.486	223.793.842.852	2.262.062.795	227.614.366.133
Tại ngày 30/06/2015	238.574.000	1.319.886.486	220.337.250.774	2.297.041.795	224.192.753.055

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2015	3.215.946.666	3.215.946.666
2. Tăng trong kỳ	175.000.000	175.000.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>175.000.000</i>	<i>175.000.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/06/2015	3.390.946.666	3.390.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2015	2.711.843.452	2.711.843.452
2. Tăng trong kỳ	275.380.191	275.380.191
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/06/2015	2.987.223.643	2.987.223.643
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2015	504.103.214	504.103.214
2. Tại ngày 30/06/2015	403.723.023	403.723.023
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại ngày 01/01/2015	1.848.200.333	1.848.200.333
Tại ngày 30/06/2015	2.214.733.333	2.214.733.333

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Giảm khác	Tại ngày 30/06/2015
Sửa chữa di dời nhà làm việc	1.201.479.425	524.052.837	-	479.132.496	-	1.246.399.766
Công trình di dời đường ống	5.401.181.112	66.690.122	-	139.257.718	-	5.328.613.516
Công trình chống thất thoát nước	151.576.067	715.133.058	535.116.711	20.532.560	43.036.653	268.023.201
Công trình cải tạo ống mục (*)	12.658.407.628	3.065.410.699	-	559.864.478	-	15.163.953.849
Công trình đầu tu ống cái	2.421.236.028	2.262.336.523	1.129.618.166	703.065.871	30.417.785	2.820.470.729
Công trình phát triển mạng lưới	2.348.350.243	1.330.670.111	-	-	3.622.281	3.675.398.073
Cộng	24.182.230.503	7.964.293.350	1.664.734.877	1.901.853.123	77.076.719	28.502.859.134

(*) Trong đó chi phí sửa chữa nhỏ là 8.375.050.064 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 30/06/2015
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.121.625.399	479.132.496	490.245.436	1.110.512.459
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	245.334.059	-	-	245.334.059
Cộng	1.366.959.458	479.132.496	490.245.436	1.355.846.518

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Công nợ với bên liên quan	46.482.716.284	22.130.004.005
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	46.482.716.284	22.130.004.005
Công nợ với nhà cung cấp khác	2.279.370.207	3.314.281.607
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	-	2.202.070.836
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	454.846.700	136.510.000
Nhà cung cấp khác	1.572.911.353	724.088.617
Cộng	48.762.086.491	25.444.285.612

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công nợ với bên liên quan	132.255.558	49.999.839
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	82.255.719	-
Công nợ với khách hàng khác	1.099.831.644	2.025.082.927
Truy thu tiền thất thoát nước	358.134.335	1.079.770.175
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	70.872.270	62.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	60.759.429	272.374.872
Cộng	1.232.087.202	2.075.082.766

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2015
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Tại ngày		Tại ngày	
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2015
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	22.812.689	22.812.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.547.999.134	-	7.329.690.765	(1.781.691.631)
Thuế thu nhập cá nhân	855.838	1.098.806.165	1.009.846.266	89.815.737
Các loại thuế khác	7.182.694.796	39.684.670.101	38.756.332.602	8.111.032.295
- Thuế bảo vệ môi trường	7.182.694.796	39.672.501.101	38.744.163.602	8.111.032.295
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác	-	9.169.000	9.169.000	-
Cộng	12.731.549.768	40.806.288.955	47.118.682.322	6.419.156.401

(*) Trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu nhà nước”

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + *Cung cấp nước* : 5 %
 - + *Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác* : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

• **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2015	01/01/2015
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	8.708.931.941	13.413.099.885
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	13.925.979.971	-
Trích trước chi phí tái lập mặt đường	-	8.824.390.662
Thù lao Hội đồng quản trị	-	108.000.000
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	-	2.902.886.008
Chi phí dự án di dời DD01/13	-	391.825.706
Cộng	22.634.911.912	25.640.202.261

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	31.555.048	4.047.944
Bảo hiểm thất nghiệp	124.192	-
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.937.235.776	1.766.117.380
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	12.726.556.691	13.229.536.477
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	185.416.111	9.271.802
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.537.941.688	904.142.978
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng: <i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	22.155.821.447 21.602.479.000	21.619.855.446 21.602.479.000
Các khoản phải trả khác	553.342.447	17.376.446
Cộng	38.574.650.953	37.532.972.027

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại ngày 30/06/2015
Nợ dài hạn đến hạn trả <i>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</i>	3.123.786.161	-	1.684.345.004	1.439.441.157
Cộng	3.123.786.161	-	1.684.345.004	1.439.441.157

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Tăng khác	Tại ngày 30/06/2015
Quỹ khen thưởng	1.965.176.420	2.434.391.091	2.350.470.000	45.730.000	2.094.827.511
Quỹ phúc lợi	860.269.135	2.434.391.091	1.010.698.480	300.000	2.284.261.746
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	608.597.773	608.597.773	-	-
Cộng	2.825.445.555	5.477.379.955	3.969.766.253	46.030.000	4.379.089.257

21. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác (*)	22.593.916.718	21.152.569.841
Cộng	22.593.916.718	21.152.569.841

(*) Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay dài hạn - Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.	11.641.422.789	13.325.767.793
Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.439.441.157)	(3.123.786.161)
Cộng	10.201.981.632	10.201.981.632

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với mục đích đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 và được đảm bảo bằng tài sản tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết nợ vay như sau:

Hợp đồng vay	Tại ngày 01/01/2015	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Nợ vay đến hạn trả	Tại ngày 30/06/2015
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	10.542.111	-	10.542.111	-	-
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	274.403.191	-	174.998.000	-	99.405.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	158.768.927	-	158.768.927	-	-
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	193.190.616	-	92.600.000	-	100.590.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1.600.297.823	-	316.000.000	-	1.284.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	239.049.649	-	39.213.610	-	199.836.039
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	69.602.099	-	6.052.356	-	63.549.743
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	2.134.438.460	-	141.974.000	-	1.992.464.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.357.913.471	-	291.096.000	-	4.066.817.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.287.561.446	-	453.100.000	-	3.834.461.446
Cộng	13.325.767.793	-	1.684.345.004	-	11.641.422.789

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

23. Vốn chủ sở hữu**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	130.000.000.000	33.529.540.517	37.666.737.661	201.196.278.178
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	24.273.096.301	24.273.096.301
Trích lập quỹ ĐTPT và DPTC	-	12.912.133.166	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	130.000.000.000	46.441.673.683	27.058.751.483	203.500.425.166
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(3.600.438.194)	- 3.600.438.194
Trích lập quỹ ĐTPT và DPTC	-	5.550.418.508	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
Tại ngày 30/06/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	(1.869.485.174)	180.122.607.017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Ngân hàng Thương Mại CP Phương Nam	14.200.000.000	14.200.000.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	3.005.000.000
Công ty CP địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á	2.766.520.000	2.766.520.000
Cổ đông khác	40.724.480.000	40.724.480.000
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu thuần cung cấp nước	406.620.811.758	381.787.204.969
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.472.744.737	5.981.908.303
Cộng	414.093.556.495	387.769.113.272

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	400.683.883.853	361.703.194.823
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.539.414.445	3.709.266.588
Cộng	403.223.298.298	365.412.461.411

Chi tiết giá vốn theo yếu tố :**Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	307.205.875.509	276.332.244.436
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	27.818.058.451	11.412.374.024
Chi phí nhân công	27.094.268.861	27.405.121.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.178.208.863	18.856.956.811

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí thuê tài sản hoạt động	2.428.851.137	2.428.851.138
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	14.299.356.204	7.730.702.309
Chi phí chống thất thoát nước	834.457.935	693.054.421
Chi phí cải tạo ống mục	559.864.478	12.663.820.047
Chi phí sửa bể	546.786.357	677.265.634
Chi phí khác	585.562.503	379.787.108
Tổng chi phí sản xuất	398.551.290.298	358.580.177.723
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	2.132.593.555	3.123.017.100
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ		
Giá vốn cung cấp nước	400.683.883.853	361.703.194.823
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Chi phí nguyên vật liệu	1.806.103.939	2.109.652.762
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường -Thuê ngoài	733.310.506	1.599.613.826
Tổng chi phí sản xuất	2.539.414.445	3.709.266.588
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-	-
Giá vốn dịch vụ	2.539.414.445	3.709.266.588
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.570.843.147	1.691.935.239
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.526.513	55.226.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia	282.300	329.350
Cộng	1.631.651.960	1.747.491.312
4. Chi phí tài chính		
Lãi vay	702.663.932	870.336.685
Cộng	702.663.932	870.336.685
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	3.757.196.202	3.724.029.329
Chi phí công cụ, dụng cụ	55.076.546	28.855.233
Chi phí khấu hao	199.880.286	188.846.063
Chi phí bằng tiền khác	538.948.082	645.606.133
Cộng	4.551.101.116	4.587.336.758

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân viên	6.470.273.480	6.283.006.413
Chi phí vật liệu quản lý	63.588.173	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.135.606	216.026.085
Chi phí khấu hao	568.176.160	718.066.132
Thuế, phí và lệ phí	36.284.233	104.579.253
Chi phí dự phòng giảm giá	199.423.983	-
Chi phí bằng tiền khác	2.469.116.934	2.859.878.048
Cộng	9.953.998.569	10.181.555.931

7. Lãi thuần từ hoạt động khác

Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	30.000.003	6.727.272
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	496.398.160	3.315.854.615
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	-	713.933.309
Thu nhập khác	229.444.308	39.410.706
Cộng	755.842.471	4.075.925.902
Chi phí hồ sơ mời thầu	1.705.600	20.110.608
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	423.733.188	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	357.933.044	2.679.400.561
Nộp chậm thuế	536.360.928	-
Chi phí bồi thường, di dời	325.510.205	-
Chi phí khác	5.184.240	23.757.994
Cộng	1.650.427.205	2.723.269.163
Lãi thuần từ hoạt động khác	(894.584.734)	1.352.656.739

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.600.438.194)	9.817.570.538
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(8.488.316.364)	6.773.076.658
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	4.887.878.170	3.044.493.880
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	644.078.628	163.400.000
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	644.360.928	163.400.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(282.300)	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	48%	-
Lợi nhuận tính thuế	(2.956.359.566)	9.980.970.538
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi (kỳ này 20% - kỳ trước 20%)	(3.752.432.109)	6.936.476.658
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi (kỳ này 22% - kỳ trước 22%)	(4.091.805.627)	-
- Đối với hoạt động kinh doanh khác (kỳ này 22%, kỳ trước 22%)	4.887.878.170	3.044.493.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	2.057.083.985

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

6 tháng đầu năm 2015 Công ty không có thu nhập chịu thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.600.438.194)	7.760.486.553
Trừ số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.713.603.245)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.600.438.194)	6.046.883.309
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(277)	465

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.051.686.583	289.601.183.952
Chi phí nhân công	37.321.738.543	37.412.157.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.946.265.309	19.763.869.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.134.060.837	30.281.126.506
Chi phí bằng tiền khác	3.142.053.156	-
Cộng	415.595.804.428	377.058.337.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	1.252.400.654	469.325.250
Mua sắm/ xây dựng tài sản chi trả năm trước tăng tài sản cố định trong kỳ này	102.350.833	-
Cổ tức chưa thanh toán	1.537.941.688	1.107.430.903
Lãi tiền gửi còn dự thu	15.672.222	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	286.649.442	493.884.175
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	464.885.165	744.630.708
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	4.897.945.620	6.904.288.113
Ứng trước tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định	<u>4.561.962.200</u>	<u>482.820.612</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty CP cấp nước Bến Thành
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa
Chi nhánh cấp nước Trung An
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	307.205.875.509	287.264.155.436
Mua vật tư	25.625.475.840	-
Thuê tài sản hoạt động	2.428.851.137	2.428.851.138
Lãi vay phải trả	702.663.932	870.336.685
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	-	83.405.292
Phải thu do chi hộ	61.767.000	2.710.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>1.141.424.108</u>	<u>13.875.531</u>
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	20.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>36.260.121</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	73.006.660	335.248.261
Tại ngày 30/06/2015, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:		
	<u>Tại ngày 30/06/2015</u>	<u>Tại ngày 01/01/2015</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	-	118.106.686
Phải thu các khoản chi hộ	2.880.488.366	2.872.765.106
Phải trả thương mại	(46.482.716.284)	(22.130.004.005)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCCB, gia công đồng hồ nước	(12.726.556.691)	(13.229.536.477)
Phải trả tiền ứng trước dịch vụ	(82.255.719)	-
Phải trả tiền vay	(11.641.422.789)	(13.325.767.793)
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(72.874.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	461.652.709	509.716.595

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
Tiền lương	868.474.366	967.006.350
Các khoản bảo hiểm phải trả	19.889.946	16.656.951
Cộng	<u>888.364.312</u>	<u>983.663.301</u>

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.19 và V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Tại ngày</u> <u>30/06/2015</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2015</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.645.692.017	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	38.800.000.000	47.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.046.918.395	2.828.116.592
Phải thu ngắn hạn khác	2.573.763.409	3.175.086.770
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	8.330.000	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	138.878.880	138.878.880
Cộng	<u>83.213.582.701</u>	<u>94.284.998.840</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.641.422.789	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	48.762.086.491	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.634.911.912	25.640.202.261
Phải trả ngắn hạn khác	59.966.873.079	57.785.455.590
Cộng	<u>143.005.294.271</u>	<u>122.195.711.256</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	2.694.867.739	7.214.946.936	1.731.608.114	11.641.422.789
Phải trả người bán ngắn hạn	48.762.086.491	-	-	48.762.086.491
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.634.911.912	-	-	22.634.911.912
Phải trả ngắn hạn khác	37.372.956.361	22.593.916.718	-	59.966.873.079
Cộng	111.464.822.503	29.808.863.654	1.731.608.114	143.005.294.271
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.645.692.017	-	-	28.645.692.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	38.800.000.000	-	-	38.800.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.046.918.395	-	-	13.046.918.395
Phải thu ngắn hạn khác	2.573.763.409	-	-	2.573.763.409
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	-	138.878.880	-	138.878.880
Cộng	83.066.373.821	147.208.880	-	83.213.582.701
Chênh lệch thanh khoản thuần	28.398.448.682	29.661.654.774	1.731.608.114	59.791.711.570
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	3.123.786.161	8.031.251.162	2.170.730.470	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	25.444.285.612	-	-	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	25.640.202.261	-	-	25.640.202.261
Phải trả ngắn hạn khác	36.632.885.749	21.152.569.841	-	57.785.455.590
Cộng	90.841.159.783	8.031.251.162	2.170.730.470	122.195.711.256
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.586.598	-	-	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	47.600.000.000	-	-	47.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.828.116.592	-	-	2.828.116.592
Phải thu ngắn hạn khác	3.175.086.770	-	-	3.175.086.770
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	-	138.878.880	-	138.878.880
Cộng	94.137.789.960	147.208.880	-	94.284.998.840
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.296.630.177)	7.884.042.282	2.170.730.470	27.910.712.416

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Phân loại số liệu tương ứng

Một số khoản khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2014 (Đã Báo cáo trước)	Trình bày lại	31/12/2014 (Sau trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Tài sản ngắn hạn khác	222.703.880	(138.878.880)	83.825.000
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Tài sản dài hạn khác	-	138.878.880	138.878.880
NỢ PHẢI TRẢ			
Vay và nợ ngắn hạn	3.123.786.161	(3.123.786.161)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	3.123.786.161	3.123.786.161
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Quỹ dự phòng tài chính	13.629.743.425	(13.629.743.425)	-
Quỹ đầu tư phát triển	32.811.930.258	13.629.743.425	46.441.673.683

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2014 (trước trình bày lại)	Trình bày lại	6 tháng đầu năm 2014 (Sau trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	597	(132)	465

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2015



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính